

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHUYỂN ĐỔI**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2015**

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỀ	9 - 35



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long  
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính chuyển đổi của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đỗ Trí Vỹ	Chủ tịch
Ông Phạm Ngọc Nam	Ủy viên
Bà Nguyễn Linh Chi	Ủy viên
Ông Nguyễn Khởi Phát	Ủy viên
Bà Nguyễn Tiểu Mai	Ủy viên
Bà Đào Ngọc Hoa	Ủy viên
Bà Ngô Nguyệt Hoa	Ủy viên

##### **Ban Giám đốc**

Ông Đỗ Trí Vỹ	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Linh Chi	Kế toán trưởng

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính chuyển đổi phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính chuyển đổi. Trong việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính chuyển đổi hay không;
- Lập báo cáo tài chính chuyển đổi trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính chuyển đổi tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

  
Đỗ Trí Vỹ  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Số: 565 /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính chuyên đổi kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2016, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chuyên đổi. Báo cáo tài chính chuyên đổi này đã được Ban Giám đốc Công ty lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính chuyên đổi.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính chuyên đổi của Công ty phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư 200 và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyên đổi không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính chuyên đổi dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính chuyên đổi của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính chuyên đổi. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính chuyên đổi do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyên đổi trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính chuyên đổi.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính chuyên đổi của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư 200.

### *Chính sách kế toán và giới hạn về đối tượng sử dụng báo cáo kiểm toán*

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính chuyên đổi đến Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính chuyên đổi mô tả cơ sở kế toán cho việc chuyển đổi báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính chuyên đổi này được lập để giúp Công ty đáp ứng các yêu cầu của Thông tư 200 trong việc công bố ra công chúng và nộp báo cáo tài chính cho cơ quan quản lý Nhà nước. Vì thế, báo cáo tài chính chuyên đổi này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

2500  
G TY  
M HUU K  
ITTE  
NAM  
TP. H

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### *Vấn đề khác*

Công ty đã lập một bộ báo cáo tài chính bằng đồng tiền kế toán là Đô la Mỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chúng tôi đã phát hành báo cáo kiểm toán độc lập đề ngày 28 tháng 3 năm 2016 về báo cáo tài chính đó với ý kiến chấp nhận toàn phần.

### *Vấn đề cần nhấn mạnh*

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 8, 10, 11, 12, 13, 15 và 26 phần Thuyết minh báo cáo tài chính chuyên đổi. Công ty đã ghi giảm toàn bộ giá trị còn lại tài sản khu Công viên Hoàng Gia bàn giao cho UBND tỉnh Quảng Ninh theo Thông báo số 52/TB-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh thống nhất nguyên tắc và phương pháp tính giá trị đền bù. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng số tiền UBND tỉnh Quảng Ninh đồng ý đền bù theo các Quyết định đền bù là 311,33 tỷ VND (tương đương 13,98 triệu USD); Công ty đã nhận được số tiền đền bù là 139,21 tỷ VND (tương đương 6,33 triệu USD), trong đó chi phí đền bù cho bên thứ ba mà Công ty nhận hộ trong năm là 19,69 tỷ VND (tương đương 890,85 nghìn USD). Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang làm việc với UBND tỉnh Quảng Ninh về giá trị đền bù cho những tài sản còn lại của khu Công viên Hoàng Gia. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Nữ Đức Nguyễn**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0764-2013-001-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 28 tháng 3 năm 2016  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Trần Xuân Ánh**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0723-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>309.395.988.000</b>	<b>57.395.593.480</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>39.164.599.320</b>	<b>25.233.060.840</b>
1. Tiền	111		39.164.599.320	25.233.060.840
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>256.931.043.600</b>	<b>14.758.870.560</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	84.054.450.480	9.363.199.960
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		12.126.508.680	5.271.538.320
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	172.184.431.320	212.752.380
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(11.434.346.880)	(88.620.100)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>13.018.319.160</b>	<b>17.167.391.700</b>
1. Hàng tồn kho	141		13.798.917.000	17.852.577.940
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(780.597.840)	(685.186.240)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>282.025.920</b>	<b>236.270.380</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		282.025.920	236.270.380
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.039.639.029.000</b>	<b>1.164.827.618.700</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>974.886.613.800</b>	<b>1.058.723.724.380</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	946.671.455.400	1.024.571.611.700
- Nguyên giá	222		1.176.605.742.840	1.252.263.523.260
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(229.934.287.440)	(227.691.911.560)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	28.215.158.400	34.152.112.680
- Nguyên giá	228		100.256.310.000	100.988.045.160
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(72.041.151.600)	(66.835.932.480)
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>12</b>	<b>-</b>	<b>39.002.956.740</b>
- Nguyên giá	231		-	47.995.491.640
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(8.992.534.900)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>35.536.567.440</b>	<b>24.877.575.580</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	35.536.567.440	24.877.575.580
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>9.411.582.840</b>	<b>8.967.007.180</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	9.411.582.840	8.967.007.180
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>19.804.264.920</b>	<b>33.256.354.820</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		9.923.730.960	26.243.116.180
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	14	2.920.251.840	693.054.080
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		6.960.282.120	6.320.184.560
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.349.035.017.000</b>	<b>1.222.223.212.180</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chuyên đổi

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>291.106.490.400</b>	<b>314.014.046.400</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>162.185.055.120</b>	<b>228.508.114.440</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	20.812.785.840	29.310.034.420
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		377.036.880	198.427.780
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	18.994.876.560	30.629.800.440
4. Phải trả người lao động	314		13.599.515.160	10.217.416.480
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		441.798.720	519.191.920
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	19.260.117.360	62.295.697.060
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	88.698.924.600	95.337.546.340
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>128.921.435.280</b>	<b>85.505.931.960</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	59.436.783.120	118.872.800
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	66.317.672.520	82.325.379.020
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342		3.166.979.640	3.061.680.140
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.057.928.526.600</b>	<b>908.209.165.780</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>1.057.928.526.600</b>	<b>908.209.165.780</b>
1. Vốn điều lệ	411		703.687.540.000	703.687.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		703.687.540.000	703.687.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		81.363.105.200	81.363.105.200
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		283.278.712.801	235.852.561.565
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.206.193.409	11.206.193.409
5. (Lỗ) lũy kế	421		(21.607.024.810)	(123.900.234.394)
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(123.933.123.394)	29.249.019.706
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) năm nay	421b		102.326.098.584	(153.149.254.100)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.349.035.017.000</b>	<b>1.222.223.212.180</b>



Cao Thị Huyền  
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2016



Nguyễn Linh Chi  
Kế toán trưởng



Đỗ Trí Vỹ  
Tổng Giám đốc

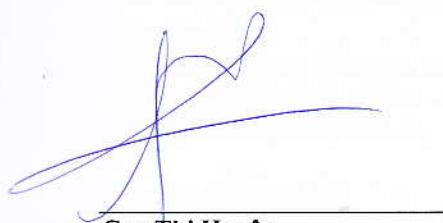
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		269.213.172.612	233.240.537.995
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		611.099.546	530.689.340
<i>Chiết khấu bán hàng</i>	05		611.099.546	530.689.340
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	21	268.602.073.066	232.709.848.655
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	209.072.347.212	187.747.600.485
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	21	59.529.725.854	44.962.248.170
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	13.684.696.306	5.239.100.580
7. Chi phí tài chính	22	24	19.412.754.176	24.950.500.945
<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		16.981.051.146	24.344.023.145
8. Chi phí bán hàng	25	25	29.095.209.998	25.410.633.015
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	64.586.760.420	141.601.232.055
10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26))	30		(39.880.302.434)	(141.761.017.265)
11. Thu nhập khác	31	26	147.957.283.854	2.048.308.595
12. Chi phí khác	32	27	7.691.750.430	12.602.957.430
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		140.265.533.424	(10.554.648.835)
14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		100.385.230.990	(152.315.666.100)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	201.741.126	-
16. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	28	(2.142.608.720)	833.588.000
17. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		102.326.098.584	(153.149.254.100)
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.454	(2.176)



Cao Thị Huyền  
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2016



Nguyễn Linh Chi  
Kế toán trưởng



Đỗ Trí Vy  
Tổng Giám đốc

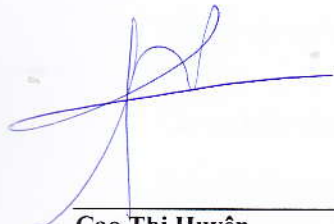


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>2015</b>	<b>2014</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>100.385.230.990</b>	<b>(152.315.666.100)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	57.575.505.326	56.558.584.295
Các khoản dự phòng	03	11.096.156.598	(2.739.463.625)
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(6.337.556.818)	(3.410.629.555)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	05	1.028.022.436	3.887.412.120
Chi phí lãi vay	06	16.981.051.146	24.344.023.145
<b>3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>180.728.409.678</b>	<b>(73.675.739.720)</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(234.613.900.760)	53.669.244.950
Thay đổi hàng tồn kho	10	4.506.385.002	(3.086.742.340)
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	28.312.057.130	55.290.935.115
Thay đổi chi phí trả trước	12	17.141.505.614	83.091.945.515
Tiền lãi vay đã trả	14	(17.070.180.336)	(24.545.104.985)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(202.903.204)	(675.929.290)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(16.820.615)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(21.198.626.876)</b>	<b>90.051.788.630</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(62.226.996.596)	(47.710.430.445)
2. Tiền thu từ bồi thường, thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	119.427.676.952	3.768.221.795
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>57.200.680.356</b>	<b>(43.942.208.650)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	174.900.632.360	156.030.746.660
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(197.947.906.074)	(181.261.073.740)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(23.047.273.714)</b>	<b>(25.230.327.080)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>12.954.779.766</b>	<b>20.879.252.900</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>25.233.060.840</b>	<b>4.324.090.715</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(564.726.056)	(142.922.065)
Ảnh hưởng của chuyển đổi báo cáo theo Thông tư 200		1.541.484.770	172.639.290
<b>Tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>39.164.599.320</b>	<b>25.233.060.840</b>



Cao Thị Huyền  
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2016



Nguyễn Linh Chi  
Kế toán trưởng



Đỗ Trí Vỹ  
Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty liên doanh nước ngoài theo Nghị định số 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 4 năm 2003 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và Thông tư liên tịch số 08/TTLT-BKH-BTC của Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tài chính ngày 29 tháng 12 năm 2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2003/NĐ-CP. Ngày 15 tháng 6 năm 2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP cho phép Công ty Liên doanh TNHH Quốc tế Hoàng Gia chuyển thành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia với mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần như sau:

- Mệnh giá cổ phần: 01 Đô la Mỹ/cổ phần
- Vốn điều lệ: 21.000.000 Đô la Mỹ
- Tổng số lượng cổ phần: 21.000.000 cổ phần.

Ngày 14 tháng 3 năm 2006, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953 CPH/GPĐC1 chấp thuận việc chuyển đổi đồng tiền ghi mệnh giá cổ phần của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 332.136.000.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 33.213.600 cổ phần.

Công ty đã thực hiện các lần tăng vốn điều lệ và vốn đầu tư qua các năm. Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi gần nhất số hiệu 221.032.000.118 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 12 tháng 9 năm 2014, giá trị vốn đầu tư của Công ty là 67.000.000 USD tương đương 1.171.473.560.000 VND và vốn điều lệ là 42.309.869,89 USD tương đương 703.687.540.000 VND.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp (thành lập tại George Town, Đảo Grand Cayman, Quần đảo Cayman).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.560 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.619 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Công ty hoạt động trong ngành kinh doanh khách sạn và duy trì một khu biệt lập trong khuôn viên dự án để kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng và casino.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh một khu khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao, kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài cùng các hoạt động vui chơi giải trí tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, Công ty được phép làm Đại lý đổi ngoại tệ theo Giấy chứng nhận số 1060/NHNN-QNN1 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm hoạt động**

Ngày 27 tháng 6 năm 2015, Đại hội Cổ đông Công ty đã nhất trí thông qua việc Bàn giao Công viên Hoàng Gia cho UBND tỉnh Quảng Ninh và giao cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty tiếp tục làm việc với cơ quan Nhà nước, UBND tỉnh Quảng Ninh để có phương án đền bù thỏa đáng và tối ưu cho Công ty. Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 8.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay (Xem tại Thuyết minh số 35).

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính chuyển đổi**

Công ty sử dụng Đô la Mỹ (USD) làm đơn vị tiền tệ kế toán. Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc sử dụng đơn vị tiền tệ kế toán bằng Đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Cho mục đích công bố báo cáo theo yêu cầu của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Công ty đã thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối năm (là tỷ giá chuyển khoản của một ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo);
- Vốn chủ sở hữu (vốn góp của cổ đông, thặng dư vốn cổ phần và vốn khác) được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Lợi nhuận, cổ tức đã trả được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả lợi tức, cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân kỳ kế toán xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không vượt quá 3%) thì có thể áp dụng theo tỷ giá bình quân (nếu lựa chọn).

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính chuyển đổi được lập bằng đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” - Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán.

Báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo*

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính chuyển đổi cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Riêng đối với các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên số dư trừ phần đặt cọc và tính theo tuổi nợ như sau:

Thời gian nợ (tháng)	Tỷ lệ dự phòng (%)
0 - 1	3
1 - 2	6,25
2 - 3	12,50
3 - 4	25
4 - 5	50
5 - 6	75
Trên 6 tháng	100

**Chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia**

Ngày 01 tháng 01 năm 2010, Hội đồng Quản trị đã ban hành chính sách tín dụng sửa đổi đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Theo đó, tổng hạn mức tín dụng cho khách chơi không vượt quá 9 triệu USD. Các khoản nợ từ 1,5 triệu USD trở lên phải có tài sản đảm bảo ít nhất là 50% giá trị khoản nợ, thời hạn cho nợ tối đa là 1 năm đối với các khoản nợ có tài sản đảm bảo và tối đa là 6 tháng đối với các khoản nợ không có tài sản đảm bảo. Khách hàng được cho nợ dưới dạng chip để chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia và được hoàn trả bằng chip hoặc bằng tiền.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí khác có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định như sau:

<b>Loại hàng tồn kho</b>	<b>Phương pháp tính giá</b>
Hàng ăn	Nhập trước - Xuất trước
Hàng giải khát	Bình quân gia quyền
Hàng lưu niệm, mỹ nghệ	Giá đích danh
Vật tư khác	Nhập trước - Xuất trước

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2015 (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	35
Máy móc, thiết bị	10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	8
Tài sản cố định khác	5

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng 8,6 ha đất tại phường Bãi Cháy - TP. Hạ Long trong thời gian của Giấy phép đầu tư là 26 năm và 7 tháng bắt đầu từ ngày 13 tháng 8 năm 1994. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 - 10 năm kể từ ngày bắt đầu sử dụng.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng trong nhiều kỳ kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2-3 năm theo các quy định hiện hành.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu từ hoạt động trò chơi có thưởng*

Doanh thu đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được xác định theo ngày đổi với hoạt động chơi bài tại bàn chơi và mười ngày một lần đối với hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng, cụ thể:

- Doanh thu hoạt động chơi bài tại bàn chơi được ghi nhận trên cơ sở số chênh lệch giữa số chip cuối ca trừ số chip đầu ca tại từng bàn chơi cộng (+) số chip chuyển từ bàn chơi vào quầy trừ (-) số chip chuyển từ quầy ra bàn chơi. Kết quả này không phụ thuộc vào việc đã thu được tiền hay chưa.
- Doanh thu hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng bằng số tiền thu được do đổi cho khách tại quầy thu ngân trước khi chơi trừ đi số tiền trả lại cho khách.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính chuyển đổi và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển sang để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty nhưng không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ tính thuế. Công ty không có tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về khả năng thực hiện trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long  
 Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo*

**5. TIỀN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	36.473.684.280	23.728.144.020
Tiền gửi ngân hàng	2.690.915.040	1.504.916.820
	<u><b>39.164.599.320</b></u>	<u><b>25.233.060.840</b></u>

**6. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>			<u>31/12/2014</u>		
	VND			VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia	9.411.582.840	-	9.411.582.840	8.967.007.180	-	8.967.007.180
	<u>9.411.582.840</u>	<u>-</u>	<u>9.411.582.840</u>	<u>8.967.007.180</u>	<u>-</u>	<u>8.967.007.180</u>

Giá trị vốn góp tương ứng với 2,25% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia.

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Đại lý Salon	46.802.950.920	-
Đại lý Đại Dương Thành	14.611.155.240	-
Đại lý Long Bay	12.640.519.320	2.953.924.940
Đại lý Chúng Phát	2.011.185.000	1.754.207.620
Khách đoàn Long Bay	586.716.240	2.273.485.060
Các khoản phải thu khách hàng khác	7.401.923.760	2.381.582.340
	<u><b>84.054.450.480</b></u>	<u><b>9.363.199.960</b></u>

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu người lao động	-	37.115.680
Phải thu tiền bồi thường (*)	171.584.094.000	-
Phải thu khác	600.337.320	175.636.700
	<u><b>172.184.431.320</b></u>	<u><b>212.752.380</b></u>

(\*) Thê hiện giá trị phải thu từ đền bù của các tài sản trên đất và giá trị quyền sử dụng đất tại khu Công viên Hoàng Gia bàn giao cho UBND tỉnh Quảng Ninh theo Thông báo số 803/TB-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2014 của UBND thành phố Hạ Long, Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh và Thông báo số 52/TB-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh thống nhất nguyên tắc và phương pháp tính giá trị đền bù. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng số tiền UBND tỉnh Quảng Ninh đồng ý đền bù theo các Quyết định đền bù là 311,33 tỷ VND (tương đương 13,98 triệu USD); Công ty đã nhận được số tiền đền bù là 139,21 tỷ VND (tương đương 6,33 triệu USD), trong đó chi phí đền bù cho bên thứ 3 mà Công ty nhận hộ trong năm là 19,69 tỷ VND (tương đương 890,85 nghìn USD) (xem thêm tại Thuyết minh số 15). Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang làm việc với UBND tỉnh Quảng Ninh về giá trị đền bù cho những tài sản còn lại của khu Công viên Hoàng Gia.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long  
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC (Tiếp theo)**

Chi tiết phải thu tiền bồi thường tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tổng tiền được đền bù 5 đợt	311.330.371.241
Số đã nhận đợt 1, 2, 4 và 5	(139.211.037.241)
Số phải trả hộ kinh doanh (xem thêm tại Thuyết minh số 15)	(19.990.561.800)
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(38.125.560)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi theo Thông tư 200	20.028.687.360
Số còn phải thu đợt 3 đã có quyết định nhưng chưa nhận được tiền	172.119.334.000

**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.915.367.120	(61.440.720)	13.289.636.960	-
Hàng hóa	4.883.549.880	(719.157.120)	4.562.940.980	(685.186.240)
	<b>13.798.917.000</b>	<b>(780.597.840)</b>	<b>17.852.577.940</b>	<b>(685.186.240)</b>

**10. TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2015	935.304.360.480	245.886.954.340	20.714.547.500	13.422.770.220	36.934.890.720	1.252.263.523.260
Tăng do mua sắm	-	154.319.880	3.763.502.160	40.728.600	40.077.840	3.998.628.480
Tăng từ XDCB hoàn thành	6.444.296.760	1.737.170.160	-	-	-	8.181.466.920
Tăng khác	1.065.518.520	-	-	1.104.945.600	431.207.040	2.601.671.160
Ghi giảm do bán giao (*)	132.338.576.040	1.215.305.520	-	58.164.480	6.498.332.280	140.110.378.320
Thanh lý trong năm	479.969.160	2.699.442.240	1.104.092.880	-	-	4.283.504.280
Giảm khác	8.131.695.000	-	-	-	-	8.131.695.000
Chênh lệch tỷ giá	46.371.497.760	12.190.840.580	1.027.007.500	665.488.140	1.831.196.640	62.086.030.620
Tại ngày 31/12/2015	<b>848.235.433.320</b>	<b>256.054.537.200</b>	<b>24.400.964.280</b>	<b>15.175.768.080</b>	<b>32.739.039.960</b>	<b>1.176.605.742.840</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2015	124.005.517.980	77.830.640.240	9.245.417.540	4.007.125.120	12.603.210.680	227.691.911.560
Khấu hao trong năm	19.731.738.840	22.849.642.200	2.219.719.920	2.512.651.680	6.066.093.000	53.379.845.640
Ghi giảm do bán giao (*)	51.896.628.960	1.071.622.200	-	58.164.480	6.306.447.840	59.332.863.480
Thanh lý trong năm	164.597.400	2.077.719.600	851.037.000	-	-	3.093.354.000
Chênh lệch tỷ giá	6.148.075.260	3.858.768.880	458.378.980	198.669.440	624.855.160	11.288.747.720
Tại ngày 31/12/2015	<b>97.824.105.720</b>	<b>101.389.709.520</b>	<b>11.072.479.440</b>	<b>6.660.281.760</b>	<b>12.987.711.000</b>	<b>229.934.287.440</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 31/12/2015	<b>750.411.327.600</b>	<b>154.664.827.680</b>	<b>13.328.484.840</b>	<b>8.515.486.320</b>	<b>19.751.328.960</b>	<b>946.671.455.400</b>
Tại ngày 31/12/2014	<b>811.298.842.500</b>	<b>168.056.314.100</b>	<b>11.469.129.960</b>	<b>9.415.645.100</b>	<b>24.331.680.040</b>	<b>1.024.571.611.700</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 18, Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 508.174.175.520 VND (31 tháng 12 năm 2014: 559.525.161.720 VND) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, một số nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị tạm thời không sử dụng với giá trị còn lại là 0 USD (31 tháng 12 năm 2014: 76.961.393.580 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long  
 Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo

**10. TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)**

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 37.026.769.916 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 37.620.000.847 VND).

(\*): Giá trị ghi giảm trong năm thể hiện giá trị tài sản tại khu Công viên Hoàng Gia bàn giao cho UBND tỉnh Quảng Ninh như đã trình bày tại Thuyết minh số 8.

**11. TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	99.417.000.000	1.571.045.160	100.988.045.160
Ghi giảm do bàn giao (*)	5.738.626.080	-	5.738.626.080
Chênh lệch tỷ giá	4.929.000.000	77.890.920	5.006.890.920
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>98.607.373.920</b>	<b>1.648.936.080</b>	<b>100.256.310.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	65.653.447.440	1.182.485.040	66.835.932.480
Khấu hao trong năm	5.338.094.520	207.278.280	5.545.372.800
Ghi giảm do bàn giao (*)	3.653.815.440	-	3.653.815.440
Chênh lệch tỷ giá	3.255.035.280	58.626.480	3.313.661.760
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>70.592.761.800</b>	<b>1.448.389.800</b>	<b>72.041.151.600</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>28.014.612.120</b>	<b>200.546.280</b>	<b>28.215.158.400</b>
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>33.763.552.560</b>	<b>388.560.120</b>	<b>34.152.112.680</b>

(\*): Giá trị ghi giảm trong năm thể hiện giá trị tài sản tại khu Công viên Hoàng Gia bàn giao cho UBND tỉnh Quảng Ninh như đã trình bày tại Thuyết minh số 8.

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 18, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân.

**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2015	47.995.491.640
Ghi giảm do bàn giao (*)	50.375.062.320
Chênh lệch tỷ giá	2.379.570.680
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>-</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2015	8.992.534.900
Ghi giảm do bàn giao (*)	9.438.376.200
Chênh lệch tỷ giá	445.841.300
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>-</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>-</b>
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>39.002.956.740</b>

(\*): Giá trị ghi giảm trong năm thể hiện giá trị tài sản tại khu Công viên Hoàng Gia bàn giao cho UBND tỉnh Quảng Ninh như đã trình bày tại Thuyết minh số 8.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long  
 Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Biến động trong năm:

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tại ngày 01/01	24.877.575.580	707.730.633.830
Tăng trong năm	41.614.778.040	32.862.941.440
Kết chuyển sang tài sản cố định	(8.181.466.920)	(695.056.359.760)
Ghi giảm do bàn giao (*)	(19.346.331.840)	-
Giảm khác	(4.661.393.880)	(30.561.491.340)
Chênh lệch tỷ giá	1.233.406.460	9.901.851.410
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>35.536.567.440</b>	<b>24.877.575.580</b>

(\*): Giá trị ghi giảm trong năm thể hiện giá trị tài sản tại khu Công viên Hoàng Gia bàn giao cho UBND tỉnh Quảng Ninh như đã trình bày tại Thuyết minh số 8.

Chi tiết số dư:

	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- XD CB	33.667.539.840	24.781.729.040
- Sửa chữa	1.729.428.360	-
- Mua sắm	139.599.240	95.846.540
	<b>35.536.567.440</b>	<b>24.877.575.580</b>
Trong đó:		
- Khu nhà đa năng	24.371.186.400	-
- Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long (**)	8.033.183.400	6.149.486.640
- Khu văn phòng	1.263.170.040	199.774.720
- Khu Công viên	-	18.432.467.680

(\*\*): Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp ngân hàng giá trị của công trình xây dựng dở dang này để bảo đảm cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân.

**14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	<b>Dự phòng trợ cấp thôi việc</b>	<b>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tại ngày 31/12/2014	673.576.900	19.477.180	693.054.080
Ghi nhận trong năm	(73.580.760)	2.266.417.560	2.192.836.800
Chênh lệch tỷ giá	33.395.300	965.660	34.360.960
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>633.391.440</b>	<b>2.286.860.400</b>	<b>2.920.251.840</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long  
 Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	51.799.079.160
- Đại lý Long Bay	-	15.415.621.400
- Đại lý Đại Dương Thành	-	36.383.457.760
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	19.260.117.360	10.496.617.900
+ Tiền phải trả về đền bù cho hộ dân (*)	8.069.401.560	-
+ Chíp trôi nổi	4.284.222.360	5.457.180.860
+ Bảo hành xây dựng	6.027.989.880	4.417.385.940
+ Đặt cọc thuê điểm	-	135.228.500
+ Khác	878.503.560	486.822.600
<b>Cộng</b>	<b><u>19.260.117.360</u></b>	<b><u>62.295.697.060</u></b>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	59.365.760.520	-
- Đại lý Đại Dương Thành	33.660.000.000	-
- Đại lý Long Bay	25.705.760.520	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	71.022.600	118.872.800
<b>Cộng</b>	<b><u>59.436.783.120</u></b>	<b><u>118.872.800</u></b>

(\*): Là số dư phải trả tiền đền bù cho tài sản của các hộ kinh doanh do Công ty nhận hộ khi bàn giao khu Công viên Hoàng Gia cho UBND tỉnh Quảng Ninh như đã trình bày tại Thuyết minh số 8.

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	11.615.476.060	22.444.824.600	(25.448.687.880)	575.884.220	9.187.497.000
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	124.295.160	(124.295.160)	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	12.405.488.440	19.277.575.680	(29.475.164.400)	615.052.280	2.822.952.000
Thuế nhập khẩu	-	214.885.440	(214.885.440)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	206.470.440	(206.470.440)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	245.292.740	4.941.669.480	(4.577.692.680)	12.161.380	621.430.920
Thuế nhà thầu	-	78.023.880	(78.023.880)	-	-
Thuế khác	6.363.543.200	718.102.440	(1.034.147.400)	315.498.400	6.362.996.640
<b>Cộng</b>	<b><u>30.629.800.440</u></b>	<b><u>48.005.847.120</u></b>	<b><u>(61.159.367.280)</u></b>	<b><u>1.518.596.280</u></b>	<b><u>18.994.876.560</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long,

Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính chuyển đổi

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2014		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (i)	39.407.124.260	39.407.124.260	106.194.293.040	43.759.907.400
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long	19.996.628.480	19.996.628.480	41.759.718.000	28.939.027.920
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	19.932.296.060	19.932.296.060	41.655.080.280	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18)	16.001.497.540	16.001.497.540	17.012.392.320	15.999.989.280
	<b>95.337.546.340</b>	<b>95.337.546.340</b>	<b>206.621.483.640</b>	<b>88.698.924.600</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 60 tỷ VND tương đương 2,67 triệu USD (tỷ giá 22.440 VND/USD) và đáo hạn vào ngày 30 tháng 10 năm 2016. Khoản vay này có lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này cùng với khoản vay dài hạn tại Thuyết minh số 18 được thế chấp bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất của Công ty.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 20 tỷ VND tương đương 891,27 nghìn USD (tỷ giá 22.440 VND/USD) và đáo hạn vào ngày 23 tháng 4 năm 2016. Khoản vay này chịu lãi suất 10,5%/năm và được tự động điều chỉnh theo mức lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống máy móc, thiết bị phần phối điện.

**18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2014		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	82.325.379.020	82.325.379.020	20.089.320.240	66.317.672.520
	<b>82.325.379.020</b>	<b>82.325.379.020</b>	<b>20.089.320.240</b>	<b>66.317.672.520</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long  
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Tại ngày 18 tháng 12 năm 2008, Công ty ký Hợp đồng vay dài hạn số 01/2008/Sheraton với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân để xây dựng đầu tư khách sạn Hoàng Gia Hạ Long và Hợp đồng này được gia hạn và sửa đổi vào ngày 08 tháng 01 năm 2013 tại văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 07/PL. Sheraton; tổng hạn mức cho vay là 170 tỷ VND tương đương 7,58 triệu USD (tỷ giá 22.440 VND/USD). Thời hạn cho vay là 96 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên là ngày 03 tháng 01 năm 2013 với khoản cho vay bổ sung, thời gian ân hạn là 3 tháng, thời gian trả nợ là 93 tháng. Khoản vay bổ sung được trả trong 31 kỳ 3 tháng, kỳ trả nợ đầu tiên được ấn định sau khi hết thời gian ân hạn. Khoản vay chịu lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ và được trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã rút toàn bộ hạn mức vốn vay với tổng số tiền 170 tỷ VND (31 tháng 12 năm 2014: 170 tỷ VND).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	15.999.989.280	16.001.497.540
Trong năm thứ hai	15.999.989.280	16.001.497.540
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	47.999.990.280	48.004.492.620
Sau năm năm	2.317.692.960	18.319.388.860
	<u>82.317.661.800</u>	<u>98.326.876.560</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày tại Thuyết minh số 17)	<u>(15.999.989.280)</u>	<u>(16.001.497.540)</u>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>66.317.672.520</u></b>	<b><u>82.325.379.020</u></b>

**19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Xây dựng Diệu Đức Phước Thành	5.263.863.000	5.263.863.000	12.527.546.860	12.527.546.860
Doanh nghiệp Tư nhân Hà Việt	4.035.744.240	4.035.744.240	3.247.408.200	3.247.408.200
Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng Pacific Links	1.273.268.040	1.273.268.040	1.258.726.120	1.258.726.120
Công ty TNHH Phát triển Thương mại Diệp Anh	1.250.065.080	1.250.065.080	774.212.560	774.212.560
Bà Bùi Huệ Chi	535.597.920	535.597.920	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cao Bang Việt Nam	510.375.360	510.375.360	510.426.120	510.426.120
Phải trả cho các đối tượng khác	7.943.872.200	7.943.872.200	10.991.714.560	10.991.714.560
<b>Cộng</b>	<b><u>20.812.785.840</u></b>	<b><u>20.812.785.840</u></b>	<b><u>29.310.034.420</u></b>	<b><u>29.310.034.420</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long  
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	(Lỗ) lũy kế	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	703.687.540.000	81.363.105.200	11.206.193.409	29.280.917.206	222.024.524.970	1.047.562.280.785
(Lỗ) trong năm	-	-	-	(153.149.254.100)	-	(153.149.254.100)
Thù lao Ban Kiểm soát	-	-	-	(31.897.500)	-	(31.897.500)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	13.828.036.595	13.828.036.595
Tại ngày 31/12/2014	703.687.540.000	81.363.105.200	11.206.193.409	(123.900.234.394)	235.852.561.565	908.209.165.780
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	102.326.098.584	-	102.326.098.584
Thù lao Ban Kiểm soát (i)	-	-	-	(32.889.000)	-	(32.889.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	47.426.151.236	47.426.151.236
Tại ngày 31/12/2015	703.687.540.000	81.363.105.200	11.206.193.409	(21.607.024.810)	283.278.712.801	1.057.928.526.600

(i) Thù lao Ban Kiểm soát được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 280/NQ-ĐHCĐTN ngày 27 tháng 6 năm 2015.

**Số cổ phiếu đang lưu hành**

	31/12/2015	31/12/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
<b>Cổ phiếu được duyệt</b>	<b>70.368.754</b>	<b>70.368.754</b>
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>70.368.754</b>	<b>70.368.754</b>
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty lần lượt là 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND (tương đương 67.000.000 USD và 42.309.869,89 USD) (31 tháng 12 năm 2014: 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi	Vốn đã góp tại ngày					
		31/12/2015			31/12/2014		
		'000 VND	USD	'000 VND Tỷ lệ quy đổi	USD	'000 VND Tỷ lệ quy đổi	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Chính Nghĩa	47.219.530	2.875.859	47.219.530	7%	2.875.859	47.219.530	7%
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	369.386.320	22.219.546	369.386.320	52%	22.219.546	369.386.320	52%
Các nhà đầu tư khác	287.081.690	17.214.465	287.081.690	41%	17.214.465	287.081.690	41%
<b>Cộng</b>	<b>703.687.540</b>	<b>42.309.870</b>	<b>703.687.540</b>	<b>100%</b>	<b>42.309.870</b>	<b>703.687.540</b>	<b>100%</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo

**21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Công ty đã thực hiện phân cấp quản lý theo hạng mục kinh doanh. Cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 4 bộ phận với hoạt động chính như sau:

- Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia: Kinh doanh trò chơi có thưởng - đây là hoạt động mang tính chất thời vụ, không ổn định. Doanh thu phát sinh phụ thuộc vào số lượng các đoàn khách đến chơi và kết quả chơi của khách
- Khu Biệt thự Hoàng Gia: Cho thuê phòng
- Khu Công viên Hoàng Gia/Ca múa nhạc dân tộc:  
Kinh doanh các dịch vụ vui chơi. Ngày 27 tháng 6 năm 2015, Đại hội Cổ đông Công ty đã nhất trí thông qua việc Bàn giao Công viên Hoàng Gia cho UBND Tỉnh Quảng Ninh. Theo đó, nguồn lực của bộ phận Công viên được cơ cấu lại và chuyển sang thành bộ phận Ca múa nhạc dân tộc, toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của Công viên được bàn giao cho bộ phận mới này.
- Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long: Cho thuê phòng và dịch vụ liên quan.

Các thông tin về hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015**

	Câu lạc bộ	Biệt thự	Công viên/Ca múa nhạc dân tộc	Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long	Bù trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản</b>						
Tài sản bộ phận	268.916.135.400	171.525.211.440	351.332.869.800	728.361.940.680	(568.561.651.680)	951.574.505.640
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	397.460.511.360
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>						<b>1.349.035.017.000</b>
<b>Nợ phải trả</b>						
Nợ phải trả bộ phận	221.409.264.120	32.066.513.160	20.886.994.920	547.813.807.200	(568.561.651.680)	253.614.927.720
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	37.491.562.680
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>						<b>291.106.490.400</b>

**Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

	Câu lạc bộ	Biệt thự	Công viên/Ca múa nhạc dân tộc	Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long	Bù trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	32.741.723.058	53.663.095.664	51.275.222.708	130.922.031.636	-	268.602.073.066
Giá vốn bộ phận	(89.211.215.166)	(19.467.042.952)	(7.472.643.912)	(92.921.445.182)	-	(209.072.347.212)
(Lỗ)/Lợi nhuận gộp	(56.469.492.108)	34.196.052.712	43.802.578.796	38.000.586.454	-	59.529.725.854
Chi phí không phân bổ						(93.681.970.418)
<b>(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh</b>						<b>(34.152.244.564)</b>
Doanh thu hoạt động tài chính						13.684.696.306
Lợi nhuận khác						140.265.533.424
Chi phí tài chính						(19.412.754.176)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>						<b>100.385.230.990</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(201.741.126)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						2.142.608.720
<b>Lợi nhuận trong năm</b>						<b>102.326.098.584</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long  
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo

**21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)****Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**

	Câu lạc bộ	Biệt thự	Công viên	Khách sạn Hoàng		Bù trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	Gia Hạ Long	VND		
<b>Tài sản</b>							
Tài sản bộ phận	241.498.794.860	194.816.484.200	220.781.339.680	733.979.291.160	(397.140.940.240)		993.934.969.660
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-		228.288.242.520
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>							<b>1.222.223.212.180</b>
<b>Nợ phải trả</b>							
Nợ phải trả bộ phận	105.738.959.100	20.314.827.020	19.698.698.180	537.428.482.740	(397.140.940.240)		286.040.026.800
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-		27.974.019.600
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>							<b>314.014.046.400</b>

**Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

	Câu lạc bộ	Biệt thự	Công viên	Khách sạn Hoàng		Bù trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	Gia Hạ Long	VND		
Doanh thu thuần	64.640.794.110	39.884.591.470	46.543.237.125	81.641.225.950	-		232.709.848.655
Giá vốn bộ phận	(76.262.371.790)	(18.732.721.270)	(16.723.072.445)	(76.029.434.980)	-		(187.747.600.485)
(Lỗ)/Lợi nhuận gộp	(11.621.577.680)	21.151.870.200	29.820.164.680	5.611.790.970	-		44.962.248.170
Chi phí không phân bổ							(167.011.865.070)
<b>(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh</b>							<b>(122.049.616.900)</b>
Doanh thu hoạt động tài chính							5.239.100.580
(Lỗ) khác							(10.554.648.835)
Chi phí tài chính							(24.950.500.945)
<b>(Lỗ) trước thuế</b>							<b>(152.315.666.100)</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							(833.588.000)
<b>(Lỗ) trong năm</b>							<b>(153.149.254.100)</b>

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thực phẩm và đồ uống	14.299.216.527	14.791.487.435
Chi phí nhân công	124.909.882.092	145.306.275.535
Chi phí khấu hao tài sản cố định	57.575.505.326	56.558.584.295
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí phân bổ và chi phí khác	105.969.713.685	138.103.118.290
	<b>302.754.317.630</b>	<b>354.759.465.555</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	83.735.394	15.098.150
Lãi chênh lệch tỷ giá	11.254.769.282	3.811.368.480
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.346.191.630	1.412.633.950
	<b>13.684.696.306</b>	<b>5.239.100.580</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long  
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	16.981.051.146	24.344.023.145
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.431.703.030	606.477.800
	<b>19.412.754.176</b>	<b>24.950.500.945</b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	13.552.877.194	11.182.008.865
Chi phí dụng cụ sản xuất	7.552.651.886	6.603.973.340
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.113.796.948	1.018.678.560
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.361.452.126	2.414.895.930
Các chi phí bằng tiền khác	4.514.431.844	4.191.076.320
	<b>29.095.209.998</b>	<b>25.410.633.015</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	33.618.741.132	67.975.167.375
Chi phí dụng cụ sản xuất	2.072.445.520	1.785.749.640
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.564.442.026	21.337.237.205
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.938.699.944	12.158.880.435
Các chi phí bằng tiền khác	22.392.431.798	38.344.197.400
	<b>64.586.760.420</b>	<b>141.601.232.055</b>

**26. THU NHẬP KHÁC**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền thu từ bồi thường tài sản (*)	146.357.804.080	-
Các khoản thu khác	1.599.479.774	2.048.308.595
	<b>147.957.283.854</b>	<b>2.048.308.595</b>

(\*) Chi tiết:

Tổng tiền được đền bù 5 đợt (xem thêm tại Thuyết minh số 8)	311.330.371.241
Giá trị còn lại của tài sản đã ghi giảm	(143.188.450.680)
- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình (xem thêm tại Thuyết minh số 10)	(80.777.514.840)
- Giá trị còn lại của tài sản vô hình (xem thêm tại Thuyết minh số 11)	(2.084.810.640)
- Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư cho thuê	(40.936.686.120)
- Giá trị của xây dựng cơ bản dở dang (xem thêm tại Thuyết minh số 13)	(19.346.331.840)
- Giá trị của công cụ, dụng cụ	(43.107.240)
Chi phí thuê kho	(734.304.120)
Số ước tính phải trả hộ kinh doanh (xem thêm tại Thuyết minh số 8)	(19.990.561.800)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi theo Thông tư 200	(1.059.250.561)
Thu nhập từ bồi thường	146.357.804.080

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long

Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo

**27. CHI PHÍ KHÁC**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	1.028.022.436	3.887.412.120
Các khoản thuế, phí	2.593.451.132	1.746.600.775
Các khoản chi phí khác	4.070.276.862	6.968.944.535
	<b>7.691.750.430</b>	<b>12.602.957.430</b>

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của	201.741.126	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>201.741.126</b>	<b>-</b>

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(2.214.504.074)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	71.895.354	833.588.000
<b>Tổng (thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>(2.142.608.720)</b>	<b>833.588.000</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông được hướng dẫn tại các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và thuế suất 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 trên thu nhập chịu thuế. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm chi tiết như sau:

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận/(Lỗ) kế toán trước thuế	100.385.230.990	(152.315.666.100)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	6.574.993.472	2.958.323.005
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	17.266.637.296	4.949.088.510
<i>Chuyển lỗ</i>	111.076.874.814	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	(150.324.900.595)
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường 22%</i>	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Chi phí thuế TNDN nộp thêm từ các năm trước	201.741.126	-
<b>(Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>(2.142.608.720)</b>	<b>833.588.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long  
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo***29. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	102.326.098.584	(153.149.254.100)
Lợi nhuận/(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	102.326.098.584	(153.149.254.100)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	70.368.754	70.368.754
<b>Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>1.454</b>	<b>(2.176)</b>

**30. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Ngoại tệ các loại:**

	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
AUD	300	-
HKD	13.870	21.250
JPY	30.000	50.000
KRW	610.000	1.465.000
TWD	45.200	185
RMP	67.853	69.039
SGD	100	-
THB	6.000	11.400
VND	3.290.971.442	6.221.360.922

**31. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết như sau:

***Cam kết đầu tư***

Ngày 21 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt tăng tổng mức đầu tư cho nhà hàng đa năng lên mức khoảng 200 tỷ VND (tương đương 9,5 triệu USD theo tỷ giá tạm tính 21.000 VND/USD). Nhà đa năng đã được đầu tư ngày 10 tháng 4 năm 2015, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 giá trị đã đầu tư là 24.371.186.400 VND và tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện có tổng giá trị là 48.772.038.480 VND.

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Ngày 01 tháng 7 năm 2015, Công ty đã ký Hợp đồng số 1668/HĐ HTKD với Công ty Liên doanh TNHH Tập đoàn Quốc tế Salon ("Salon"), theo đó Salon sẽ thuê nhà hàng đa năng để kinh doanh trong thời hạn là 10 năm kể từ ngày bắt đầu kinh doanh. Tuy nhiên, ngày 26 tháng 01 năm 2016, Công ty cùng với Salon và Công ty TNHH Quốc tế Diệu Doanh ("Diệu Doanh") đã ký hợp đồng ba bên, trong đó, Salon đồng ý chuyển nhượng toàn bộ quyền và nghĩa vụ của hợp đồng nêu trên cho Diệu Doanh. Cùng ngày, Công ty đã ký Hợp đồng số 20160126 với Diệu Doanh. Theo đó, Diệu Doanh sẽ thuê nhà hàng đa năng để kinh doanh trong thời hạn là 10 năm từ ngày 01 tháng 3 năm 2016 đến 28 tháng 02 năm 2026. Tiền thuê được thanh toán trước ngày 10 hàng tháng.

Ngày 28 tháng 6 năm 2015, Công ty đã ký Hợp đồng số 01072015/HĐTN-HG với Salon, theo đó Salon thuê bao 190 phòng nghỉ/ngày (gồm 110 phòng nghỉ khách sạn và 80 phòng nghỉ biệt thự). Thời hạn thuê từ ngày 01 tháng 7 năm 2015 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2016. Tuy nhiên, ngày 17 tháng 10 năm 2015, hai bên đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng số 17102015/TLHĐ để chấm dứt Hợp đồng nêu trên.

***Cam kết mua sắm xây dựng tài sản cố định***

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty (không bao gồm giá trị hợp đồng liên quan đến nhà hàng đa năng) đã ký nhưng chưa thực hiện có tổng giá trị là 25.485.915.840 VND (31 tháng 12 năm 2014: 1.112.230.360 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyên đổi kèm theo*

**31. CÁC KHOẢN CAM KẾT (Tiếp theo)**

***Cam kết trả tiền thuê đất***

Theo Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP ngày 15 tháng 6 năm 2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất cho Nhà nước Việt Nam từ tháng thứ 8 của năm thứ 27 kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư lần đầu vào ngày 13 tháng 8 năm 1994. Giá tiền thuê được xác định theo thời giá tại thời điểm thực hiện thuê.

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và 18, trừ đi tiền) và phần vốn của cổ đông (bao gồm vốn góp của các cổ đông, các quỹ dự trừ trừ lỗ lũy kế).

***Hệ số đòn bẩy tài chính***

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	155.016.597.120	177.662.925.360
Trừ: Tiền	39.164.599.320	25.233.060.840
Nợ thuần	115.851.997.800	152.429.864.520
Vốn chủ sở hữu	<u>1.057.928.526.600</u>	<u>908.209.165.780</u>
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>11%</b>	<b>17%</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	39.164.599.320	25.233.060.840
Phải thu khách hàng và phải thu khác	244.388.901.240	9.487.332.240
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	9.411.582.840	8.967.007.180
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>292.965.083.400</u></b>	<b><u>43.687.400.260</u></b>
<b>Công nợ thuê tài chính</b>		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	155.016.597.120	177.662.925.360
Phải trả người bán và phải trả khác	99.566.571.720	91.748.678.160
Chi phí phải trả	441.798.720	519.191.920
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>255.024.967.560</u></b>	<b><u>269.930.795.440</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính chuyển đổi Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính chuyển đổi Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất hay rủi ro về giá có thể cao hơn chi phí phát sinh từ rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất và giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đồng Việt Nam (VND)	248.849.322.480	13.348.560.240	184.954.092.840	264.033.528.660

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Việt Nam.

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty được xác định trong trường hợp tỷ giá đồng Đô la Mỹ thay đổi 10% so với Đồng Việt Nam. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đồng Việt Nam so với đồng Đô la Mỹ giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng 6.389.522.964 VND (2014: lỗ trước thuế giảm 25.068.496.842 VND).

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro thị trường (Tiếp theo)******Quản lý rủi ro lãi suất (Tiếp theo)***

	<b>Tăng/(giảm) số điểm cơ bản</b>	<b>Ảnh hưởng đến lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>
		<b>VND</b>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015		
VND	+200	(3.029.318.086)
VND	-200	3.029.318.086
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
VND	+200	(3.534.136.675)
VND	-200	3.534.136.675

***Quản lý rủi ro về giá***

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ bản. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu khách chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu khách chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia như trình bày tại Thuyết minh số 4.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long  
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

31/12/2015	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền	39.164.599.320	-	39.164.599.320
Phải thu khách hàng và phải thu khác	244.388.901.240	-	244.388.901.240
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	9.411.582.840	9.411.582.840
<b>Tổng cộng</b>	<b>283.553.500.560</b>	<b>9.411.582.840</b>	<b>292.965.083.400</b>
31/12/2015	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả người bán và phải trả khác	40.129.788.600	59.436.783.120	99.566.571.720
Chi phí phải trả	441.798.720	-	441.798.720
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	88.698.924.600	66.317.672.520	155.016.597.120
<b>Tổng cộng</b>	<b>129.270.511.920</b>	<b>125.754.455.640</b>	<b>255.024.967.560</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>154.282.988.640</b>	<b>(116.342.872.800)</b>	<b>37.940.115.840</b>
31/12/2014	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền	25.233.060.840	-	25.233.060.840
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.487.332.240	-	9.487.332.240
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	8.967.007.180	8.967.007.180
<b>Tổng cộng</b>	<b>34.720.393.080</b>	<b>8.967.007.180</b>	<b>43.687.400.260</b>
31/12/2014	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả người bán và phải trả khác	91.629.805.360	118.872.800	91.748.678.160
Chi phí phải trả	519.191.920	-	519.191.920
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	95.337.546.340	82.325.379.020	177.662.925.360
<b>Tổng cộng</b>	<b>187.486.543.620</b>	<b>82.444.251.820</b>	<b>269.930.795.440</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(152.766.150.540)</b>	<b>(73.477.244.640)</b>	<b>(226.243.395.180)</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Ban Giám đốc tin tưởng rằng báo cáo tài chính cần được lập trên cơ sở hoạt động liên tục do Công ty vẫn nhận được cam kết tiếp tục giải ngân từ các ngân hàng thương mại.

**33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Danh sách các bên liên quan:***Bên liên quan**

Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp  
Bà Nguyễn Tiểu Mai

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ  
Ủy viên Hội đồng Quản trị

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long  
 Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo***33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Cung cấp dịch vụ ăn nghỉ cho Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	83.384.578	72.641.240
Cung cấp dịch vụ ăn nghỉ cho Bà Nguyễn Tiểu Mai	3.639.716	175.840.285

*Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:*

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.552.821.246	1.619.733.785

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:*

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	234.026.760	304.280.160

**34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tiền thu từ bồi thường, thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác bao gồm 5,4 triệu USD tương đương 119,52 tỷ VND thể hiện số tiền bồi thường đợt 1, 2, 4 và 5 đã nhận trong năm cho các tài sản bàn giao cho UBND tỉnh Quảng Ninh như đã trình bày tại Thuyết minh số 8, giá trị này không bao gồm 19,69 tỷ VND (tương đương 890,85 nghìn USD) tiền đền bù nhận hộ cho các hộ kinh doanh đang hạch toán trên các khoản phải trả khác. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu và phải trả tương ứng.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 13.996.177.062 VND (2014: 24.909.438.230 VND) là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán và đã bao gồm số tiền 11.804.366.398 VND (2014: 5.150.106.555 VND) trả trước cho nhà cung cấp để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả, các khoản phải thu tương ứng.

**35. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Năm 2014, Công ty lập báo cáo VND chuyển đổi từ báo cáo USD theo hướng dẫn tại Thông tư 244/2009/TT-BTC, toàn bộ số liệu trên báo cáo đã phát hành được quy đổi theo tỷ giá liên ngân hàng tại ngày 31/12/2014 là 21.246 VND/USD.

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được lập bằng USD đã được kiểm toán và được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá ngân hàng thương mại tại ngày 31/12/2014 là 21.380 VND/USD đối với Bảng cân đối kế toán và tỷ giá bình quân của ngân hàng thương mại trong năm 2014 là 21.265 VND/USD đối với Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, đồng thời, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh được với số liệu tương ứng của năm hiện tại do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, cụ thể như sau

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo*

**35. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)**

		Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC		Theo TT 200/2014/TT-BTC		Đơn vị: VND	
TÀI SẢN		Mã số	31/12/2014	TÀI SẢN	Mã số	31/12/2014	Chênh lệch Thay đổi
<b>Bảng cân đối kế toán</b>							
<b>I. Tiền</b>				<b>I. Tiền</b>			
1. Phải thu khách hàng	131	9.363.199.960		1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9.363.199.960	- Đổi tên
2. Trả trước cho người bán	132	5.271.538.320		2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.271.538.320	- Đổi tên
3. Các khoản phải thu khác	135	175.658.080		3. Phải thu ngắn hạn khác	136	212.752.380	(37.094.300) Trình bày lại, đổi mã số và đổi tên
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(88.620.100)		4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(88.620.100)	- Đổi mã số
5. Hàng tồn kho	140	23.487.576.260		5. Hàng tồn kho	140	17.167.391.700	6.320.184.560 Trình bày lại
6. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17.154.863.020		6. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	236.270.380	16.918.592.640 Trình bày lại
7. Tài sản ngắn hạn khác	158	37.094.300		7. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	37.094.300 Trình bày lại, đổi mã số
8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	24.877.575.580		8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	24.877.575.580	- Đổi mã số
9. Đầu tư dài hạn khác	258	8.967.007.180		9. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	8.967.007.180	- Đổi tên và mã số
10. Chi phí trả trước dài hạn	261	9.324.523.540		10. Chi phí trả trước dài hạn	261	26.243.116.180	(16.918.592.640) Trình bày lại
Không có chi tiêu tương ứng		-		11. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	6.320.184.560	(6.320.184.560) Trình bày lại và đổi tên
<b>II. Nguồn vốn</b>				<b>II. Nguồn vốn</b>			
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	95.337.546.340		1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	95.337.546.340	- Đổi tên và mã số
2. Phải trả người bán	312	29.310.034.420		2. Phải trả người bán ngắn hạn	311	29.310.034.420	- Đổi tên và mã số
3. Người mua trả tiền trước	313	198.427.780		3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	198.427.780	- Đổi tên và mã số
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	30.629.800.440		4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	30.629.800.440	- Đổi mã số
5. Phải trả người lao động	315	10.217.416.480		5. Phải trả người lao động	314	10.217.416.480	- Đổi mã số
6. Chi phí phải trả	316	519.191.920		6. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	519.191.920	- Đổi tên và mã số
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	62.295.697.060		7. Phải trả ngắn hạn khác	319	62.295.697.060	- Đổi tên
8. Phải trả dài hạn khác	333	118.872.800		8. Phải trả dài hạn khác	337	118.872.800	- Đổi mã số
9. Vay và nợ dài hạn	334	82.325.379.020		9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	82.325.379.020	- Đổi tên và mã số
10. Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	3.061.680.140		10. Dự phòng phải trả dài hạn	342	3.061.680.140	- Đổi tên và mã số
11. Quỹ dự phòng tài chính	418	13.882.589.880		11. Quỹ đầu tư phát triển	418	13.882.589.880	- Đổi tên
12. (Lỗ lũy kế)	420	(117.739.317.920)		12. (Lỗ lũy kế)	421	(117.739.317.920)	- Đổi mã số

2500  
 NG TY  
 HUU  
 HATT  
 NAN  
 TP. H  
 11.11.15

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long  
 Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỐI (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyên đối kèm theo

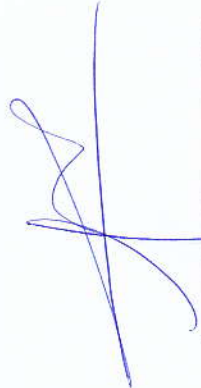
Báo cáo tài chính chuyển đổi  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 09-DN**

**35. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)**

Đơn vị: VND

Tên chi tiêu	Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC		Theo TT 200/2014/TT-BTC		Chênh lệch Thay đổi
	Mã số	2014	Mã số	2014	
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	253.652.726.435	01	233.240.537.995	(20.412.188.440) Trình bày lại
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20.942.877.780	02	530.689.340	(20.412.188.440) Trình bày lại
3. Chi phí bán hàng	24	25.410.633.015	25	25.410.633.015	- Đối mã số
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	141.601.232.055	26	141.601.232.055	- Đối mã số
5. Thu nhập khác	31	5.816.530.390	31	2.048.308.595	(3.768.221.795) Trình bày lại
6. Chi phí khác	32	16.371.179.225	32	12.602.957.430	(3.768.221.795) Trình bày lại

  
 Cao Thị Huyền  
 Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

  
 Nguyễn Linh Chi  
 Kế toán trưởng

